

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 11 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 6, TẠI ĐUK CÁC CƠ QUAN TỈNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Triệu Thị Hương Anh	1	52	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Hoàng Anh	2	65	7,0	Bảy	
3	Ngô Tuấn Anh	3	23	7,5	Bảy rưỡi	
4	Vũ Thị Ánh	4	40	7,0	Bảy	
5	Dương Tiến Ban	5	41	6,5	Sáu rưỡi	
6	Đỗ Thị Bảy	6	80	7,5	Bảy rưỡi	
7	Lý Văn Chiến	7	61	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị Chinh	8	14	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Quang Chính	9	71	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Hồng Chuyên	10	82	7,5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Ngọc Chuyển	11	13	6,5	Sáu rưỡi	
12	Phạm Thành Công	12	06	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Bích Dung	13	69	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đoàn Hải Duy	14	81	7,5	Bảy rưỡi	
15	Trần Thị Duyên	15	08	7,5	Bảy rưỡi	
16	Phạm Đức Dũng	16	54	7,0	Bảy	
17	Đào Minh Dũng	17	43	7,0	Bảy	
18	Trần Trung Dũng	18	19	7,5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Xuân Đạt	19	55	7,0	Bảy	
20	Đào Hương Giang	20	21	6,5	Sáu rưỡi	
21	Đặng Thu Giang	21	16	8,0	Tám	
22	Nguyễn Thị Thanh Hải	22	67	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Phạm Thị Thu Hằng	23	79	7,5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thị Minh Hằng	24	58	8,0	Tám	
25	Nguyễn Thị Thu Hằng	25	68	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26	42	7,0	Bảy	
27	Vũ Thị Hảo	27	34	8,0	Tám	
28	Nguyễn Thị Phương Hảo	28	59	8,0	Tám	
29	Phạm Thu Hiền	29	07	7,0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	30	70	7,5	Bảy rưỡi	
31	Phạm Sỹ Hiệp	31	05	7,5	Bảy rưỡi	
32	Phạm Thị Mai Hoa	32	01	7,0	Bảy	
33	Hoàng Thị Hoa	33	10	7,5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Văn Hòa	34	20	7,5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Thế Hoàng	35	39	7,0	Bảy	
36	Nguyễn Việt Hùng	36	73	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Tuấn Hùng	37	09	7,0	Bảy	
38	Đoàn Tuấn Hưng	38	24	7,0	Bảy	
39	Ngô Quốc Huy	39	64	6,5	Sáu rưỡi	
40	Vũ Quang Huy	40	27	7,0	Bảy	
41	Phạm Thị Thanh Huyền	41	31	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Thu Huyền	42	51	7,5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Thu Huyền	43	28	7,5	Bảy rưỡi	
44	Trần Duy Khánh	44	12	7,5	Bảy rưỡi	
45	Ngô Thượng Kỷ	45	77	6,5	Sáu rưỡi	
46	Đỗ Thị Bích Lan	46	66	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thanh Lâm	47	53	7,0	Bảy	
48	Dương Thị Linh	48	63	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Thành Luân	49	18	7,0	Bảy	
50	Trương Đức Mạnh	50	72	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Nhật Minh	51	17	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Cam Thị Thanh Nga	52	56	7,5	Bảy rưỡi	
53	Tổng Bá Ngân	53	36	7,5	Bảy rưỡi	
54	Trần Phúc Nguyên	54	62	7,0	Bảy	
55	Hoàng Thanh Phong	55	-	-	-	Vắng thi
56	Nguyễn Mai Phương	56	48	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Thị Thu Phương	57	03	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Đức Quang	58	26	8,0	Tám	
59	Nguyễn Đức Quân	59	76	7,0	Bảy	
60	Trần Minh Quý	60	33	8,0	Tám	
61	Vũ Đình Quyên	61	32	7,0	Bảy	
62	Đặng Ngọc Tâm	62	37	7,5	Bảy rưỡi	
63	Phan Thị Thanh Tâm	63	38	7,0	Bảy	
64	Lương Văn Thái	64	22	7,0	Bảy	
65	Đỗ Văn Thanh	65	57	7,0	Bảy	
66	Nguyễn Thái Thanh	66	46	7,5	Bảy rưỡi	
67	Triệu Đức Thành	67	04	7,5	Bảy rưỡi	
68	Lâm Kim Thành	68	35	8,0	Tám	
69	Trần Thị Minh Thư	69	44	7,5	Bảy rưỡi	
70	Triệu Thế Thuận	70	74	7,0	Bảy	
71	Hà Thị Hồng Thúy	71	60	7,5	Bảy rưỡi	
72	Phạm Thu Trà	72	75	7,5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thị Hồng Trang	73	45	7,5	Bảy rưỡi	
74	Lương Thị Thu Trang	74	50	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Mạnh Tú	75	30	7,5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Hoàng Tuấn	76	49	8,0	Tám	
77	Đào Anh Tuấn	77	25	7,5	Bảy rưỡi	
78	Phạm Mạnh Tuấn	78	02	7,0	Bảy	
79	Phan Đức Tùng	79	78	7,0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Hải Vân	80	47	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
81	Ninh Hùng Vĩ	81	29	7,0	Bảy	
82	Phan Vũ	82	15	7,0	Bảy	
83	Trần Thị Hải Yến	83	11	7,0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

